TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2022/HS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vũ;

2. Bà Lý Thị Thắm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022; Q định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HS ngày 29 tháng 9 năm 2022 và Q định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Ngô Văn Q, sinh ngày: 15/3/1966; Tại: Xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Tổ 7, khu phố V Ph, Phường Th H, thị xã Tân Yên, tỉnh Bình Dương; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: 14C/30 khu phố B Ph B, Phường B Ch, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Th (đã chết); con bà Ngô Thị Ngh (đã chết); Vợ: Thiều Thị Ng, sinh năm 1971; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Lê Huy G, sinh năm 1962; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ch X 2, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Ông Ngô Xuân Th, sinh năm 1952; (Vắng mặt).

Địa chỉ Thôn T S, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

3. Chị Ngô Thị O, sinh năm: 1985; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T S, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

4. Bà Ngô Thị O, sinh năm 1968; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th1 Ph1, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Th1 Ph1, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

6. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th1 Ph1, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn B, sinh năm 1962; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C V, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Ông Lê Văn V, sinh năm 1965; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ch X 2, xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

3. UBND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt).

4. UBND xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn Q là cán bộ địa chính xã Th Ng giai đoạn từ tháng 02/1997 đến tháng 12/2011, sau đó xin nghỉ việc để vào Bình Dương sinh sống cùng gia đình. Giai đoạn công tác tại xã Th Ng, Q được giao nhiệm vụ tham mưu, thực hiện các công việc giúp cho Uỷ Ban nhân dân (UBND) xã trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên, xây dựng, giao thông… và nhiệm vụ quản lý, đề nghị cấp mới, đổi, tiếp nhận, cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất cho nhân dân. Cụ thể, thực hiện chủ trương của UBND huyện Thiệu Hóa sau khi tái lập huyện vào năm 1997 thì UBND xã Th Ng đã thuê Xí nghiệp trắc địa bản đồ 205 đo đạc các loại đất hiện có tại xã, trên cơ sở đó đề nghị UBND huyện xem xét cấp giấy CNQSD đất cho nhân dân. Sau khi hoàn tất các thủ tục UBND huyện Thiệu Hóa đã cấp giấy CNQSD đất cho nhân dân bằng cách chuyển về cho UBND xã Th Ng để UBND xã cấp phát cho người dân, Ngô Văn Q là người trực tiếp nhận và giao giấy CNQSD đất này. Tuy nhiên 12/2011 khi bàn giao hồ sơ cho UBND xã Th Ng để nghỉ việc thì Q đã không bàn giao hết số giấy CNQSD đất đã được UBND huyện cấp mà tự ý giữ lại 41 (Bốn mươi mốt) giấy CNQSD đất của các hộ dân và đem về cất giữ tại nhà riêng ở thôn Tân Bình 1, xã Th Ng. Năm 2019 ông Mai Văn B sinh năm 1962 ở thôn C V, xã Thiệu Vũ, Thiệu Hóa, Thanh Hóa (Là anh rể của Ngô Văn Q) sang dọn nhà cho

Q ở thôn Tân Bình 1 thì phát hiện thấy nên đã thông báo cho Q biết, sau đó Q nhờ ông Bản đem về nhà ở thôn C V, xã Thiệu Vũ cất giữ.

Đến khoảng tháng 4/2020, vào từng thời điểm cụ thể khác nhau có 05 hộ dân gồm các ông bà: Lê Huy G, sinh năm 1962 ở thôn Ch X, Ngô Xuân Th sinh năm 1952 ở thôn Tân Sơn, Ngô Thị O sinh năm 1968, Nguyễn Thị H1 sinh năm 1969, Nguyễn Xuân T sinh năm 1977 đều ở thôn Th1 Ph1, xã Th Ng (Đều là những người dân đã làm thủ tục cấp mới hoặc cấp đổi giấy CNQSD đất giai đoạn 1999-2003 nhưng đến nay vẫn chưa được nhận giấy CNQSD đất) chủ động liên lạc với Ngô Văn Q qua điện thoại, riêng ông Lê Huy G nhờ ông Lê Văn V sinh năm 1965 ở thôn Ch X 2, xã Th Ng liên lạc để hỏi về việc muốn nhận lại giấy CNQSD đất của gia đình. Nắm được nhu cầu của các hộ dân này nên Q yêu cầu mỗi hộ phải đưa cho Q khoản tiền từ 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để được nhận lại giấy CNQSD đất, nếu không đáp ứng yêu cầu của Q thì sẽ không được nhận lại giấy CNQSD đất. Số tiền Q yêu cầu đối với mỗi hộ là khác nhau tùy thuộc vào mối quan hệ và diện tích từng mảnh đất. Do các hộ dân đều đang rất cần giấy CNQSD đất để phục vụ mục đích gia đình như vay vốn ngân hàng hoặc mục đích khác, bên cạnh đó họ xác định thủ tục để cấp lại giấy CNQSD đất nếu làm hiện nay cũng có thể kéo dài, phức tạp, rườm rà và cũng không biết cách thức cụ thể để làm nên chấp nhận đưa cho Q số tiền như thỏa thuận để được lấy lại giấy CNQSD đất. Q hẹn lần lượt 05 người nói trên đến khu vực cầu C V, xã Thiệu Vũ để đưa tiền và nhận giấy CNQSD đất, đồng thời Q gọi điện thoại cho ông Bản đem giấy CNQSD đất của các hộ nói trên đến cầu C V đưa lần lượt cho 05 người trên và nhận số tiền từ người dân hộ Q, cụ thể:

Ông Mai Văn B đã nhận của bà Ngô Thị O số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông Lê Huy G 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Bà Nguyễn Thị H1 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Ông Lê Xuân Tứ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và ông Ngô Văn Thược 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Tổng cộng Q đã hướng dẫn ông Bản giao 06 giấy CNQSD đất cho 05 người (Riêng ông Thược nhận 02 giấy CNQSD đất) và thu tổng số tiền là: 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng). Q cho ông Bản vay số tiền này để xây nhà, hai bên thống nhất khi nào Q cần ông Bản phải trả lại cho Q.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Q khai nhận: Năm 1999-2000 sau khi UBND xã Th Ng ký hợp đồng với Xí nghiệp trắc địa bản đồ 205 của tỉnh Thanh Hóa, căn cứ kết quả đo đạc, UBND xã đề nghị UBND huyện cấp giấy CNQSD đất cho nhân dân. Việc cấp giấy CNQSD đất có thu lệ phí, Q đã tự bỏ tiền của mình ra để nộp cho các hộ, do đó Q giữ lại 41 giấy CNQSD đất nêu trên do các hộ chưa nộp tiền lệ phí cho Q. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu cho thấy các năm 1999-2003 khi thực hiện nhiệm vụ đề nghị cấp giấy CNQSD đất cho dân, UBND xã có thu lệ phí, mức thu là 75.000đ (Bảy lăm nghìn đồng) một hộ, việc thu lệ phí này UBND xã Th Ng giao cho cán bộ tài chính ngân sách của UBND xã thực hiện chứ không giao cho Ngô Văn Q. Như vậy việc Ngô Văn Q giữ lại giấy CNQSD đất của các hộ dân để thu lệ phí là không có căn cứ. (BL: 153-190; 266-283)

Về dân sự: Vì lý do sức khỏe ngày 04/01/2021, Ngô Văn Q đã giao cho con trai là anh Ngô Nhật Linh, sinh năm 1991 ở Phường Bình Chuẩn, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS - TH ngày 11/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Ngô Văn Q về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 170 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị áp dụng: khoản 1 điều 170; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Ngô Văn Q từ 30 Đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01(Một) điện thoại di động của bị cáo Ngô Văn Q, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Vel-com, màu đen số IMEI 1: 865713020801371; số IMEIL 2: 865713021801389, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 033.902.0701.

Trả lại cho Mai Văn B 01(Một) điện thoại di động của ông Mai Văn B, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Masstel, màu xanh số IMEI 1: 355636047808466; số IMEIL 2: 355636048108460, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 0396.483.484.

Trả lại cho UBND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa 35 giấy CNQSD đất đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Lưu hồ sơ 01(Một) sổ theo dõi cấp giấy CNQSD đất của xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa gồm 56 trang, khổ giấy A3 (bản phô tô).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa các bị hại không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị hại bà Ngô Thị O đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo Ngô Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Thời điểm từ năm 1997 đến năm 2012 Ngô Văn Q đã lợi dụng việc bản thân làm cán bộ địa chính xã Th Ng, huyện Thiệu Hóa, nên đến năm 2012 khi về hưu đã giữ lại 41 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân đưa về nhà riêng cất giữ. Vào khoảng thời gian tháng 4 và tháng 5/2020 có một số người dân cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phục vụ mục đích gia đình nên đã gọi cho Ngô Văn Q hỏi về việc xin nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngô Văn Q biết được việc người dân đang cần và việc xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất mất thời gian. Vì vậy Ngô Văn Q đã có lời nói "giờ có tiền tỷ cũng không làm giấy được" và sau đó yêu cầu người dân phải đưa tiền cho Q thông quan Mai Văn B thì mới được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng Q đã hướng dẫn ông Bản giao 06 giấy CNQSD đất cho 05 người gồm bà Ngô Thị O; ông Lê Huy G; Bà Nguyễn Thị H1 4; Ông Lê Xuân Tứ và ông Ngô Văn Thược (Riêng ông Thược nhận 02 giấy CNQSD đất) và thu tổng số tiền là: 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng). Như vậy hành vi của bị cáo Ngô Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian tháng 4 và tháng 5 năm 2020 bị cáo Q đã nhiều lần ép người dân đưa tiền mới giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời cùng thể hiện tính răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã nhờ con trai giao nộp số tiền chiếm đoạt để bồi thường cho bị hại, bị cáo là người có công với cách mạng và được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra tại phiên tòa người bị hại là bà Ngô

Thị O đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"* do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ đều cho thấy, bị cáo hiện bị mất 88% sức khỏe; Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ngô Văn Q đã nhờ con trai giao nộp lại số tiền 24.000.000đ, hiện đang quy trữ tại kho bạc Nhà nước huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa trong tài khoản tạm gửi số 3949.0.9013962 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Những người bị hại gồm bà Ngô Thị O; ông Lê Huy G; Bà Nguyễn Thị H1 4; Ông Lê Xuân Tứ và ông Ngô Văn Thược, đề nghị được nhận lại số tiền đã đưa cho Ngô Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy nên trả lại cho những người bị hại là phù hợp.

[7]. Trong vụ án này Mai Văn B có hành vi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số người dân và nhận tiền hộ cho bị cáo Ngô Văn Q, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa Mai Văn B đều thừa nhận bản thân chưa từng đề nghị UBND làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không biết quy trình và việc thu tiền, Mai Văn B chỉ cầm hộ cho bị cáo Q và không biết gì về nội dung các cuộc điện thoại trao đổi giữa bị cáo Q và người dân, Mai Văn B cũng không được hưởng lợi gì. Đối với Lê Văn V chỉ gọi điện thoại hộ cho ông Lê Huy G, Vinh không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo Q và cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy Viện kiểm sát không truy tố hành vi của Mai Văn B và Lê Văn V là phù hợp.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01(Một) điện thoại di động của ông Mai Văn B, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Masstel, màu xanh số IMEI 1: 355636047808466; số IMEIL 2: 355636048108460, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 0396.483.484. Đây là tài sản của ông Mai Văn B không liên quan đến việc phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy nên trả lại cho ông Bản là phù hợp.

01(Một) điện thoại di động của ông Ngô Văn Q, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Vel-com, màu đen số IMEI 1: 865713020801371; số IMEIL 2: 865713021801389, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 033.902.0701. Đây là điện thoại bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 35 giấy CNQSD của người dân xã Th Ng đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án, cần trả lại cho UBND huyện Thiệu Hóa quản lý là phù hợp.

Đối với 01 sổ theo dõi cấp giấy CNQSD đất của xã Th Ng, đây là sổ phô tô và đã được đánh bút lục. Hội đồng xét xử xét thấy nên lưu trữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 170; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn Q phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Ngô Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Trả lại cho bà Ngô Thị O số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông Lê Huy G 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Bà Nguyễn Thị H1 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Ông Lê Xuân Tứ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và ông Ngô Văn Thược 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đã nộp lại 24.000.000đ (Hai tư triệu đồng) để bồi thường cho các bị hại. Số tiền hiện đang quy trữ tại kho bạc Nhà nước huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa trong tài khoản tạm gửi số 3949.0.9013962 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Tiếp tục quy trữ số tiền 24.000.000đ (Hai tư triệu đồng) bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả để bồi thường.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01(Một) điện thoại di động của bị cáo Ngô Văn Q, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Vel-com, màu đen số IMEI 1: 865713020801371; số IMEIL 2: 865713021801389, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 033.902.0701.

Trả lại cho ông Mai Văn B 01(Một) điện thoại di động, đặc điểm: Loại bàn phím, nhãn hiệu Masstel, màu xanh số IMEI 1: 355636047808466; số IMEIL 2: 355636048108460, điện thoại lắp 01 sim Viettel số thuê bao: 0396.483.484.

(Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa ngày 16/8/2022).

Trả lại cho UBND huyện Thiệu Hóa 35 giấy CNQSD của người dân xã Th Ng đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án (giao trả tại Tòa án).

Lưu hồ sơ vụ án 01 sổ theo dõi cấp giấy CNQSD đất phô tô của xã Th Ng đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Ngô Văn Q phải chịu 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**